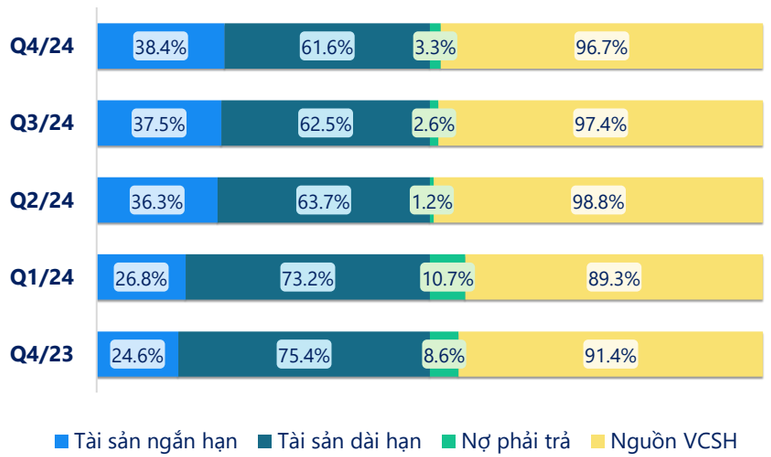
FireAnt

CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	35,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,700
SL cổ phiếu LH	384,999,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,655
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,667
P/E	163.5
EPS	217

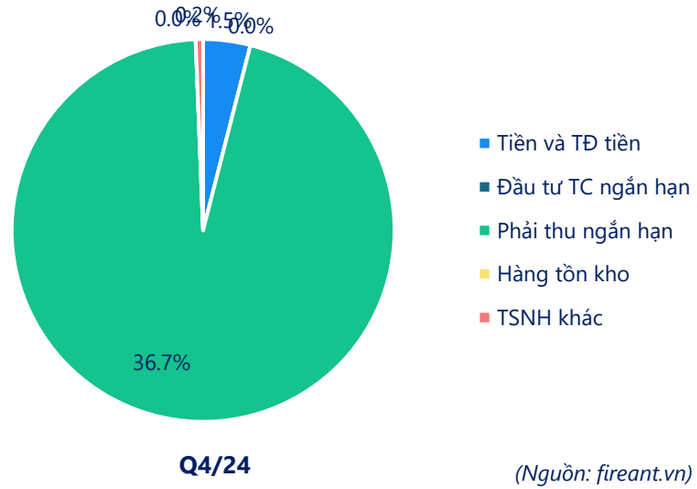
	YTD	1T	3T	6T
THD	-0.6%	0.9%	0.9%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



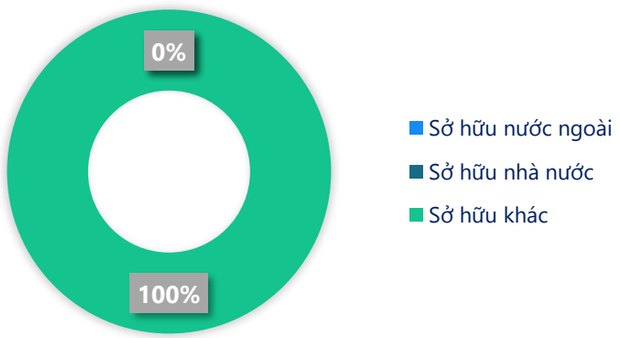
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



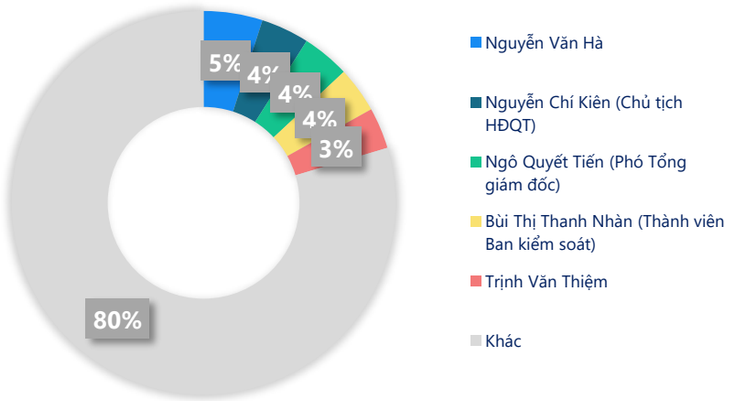
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



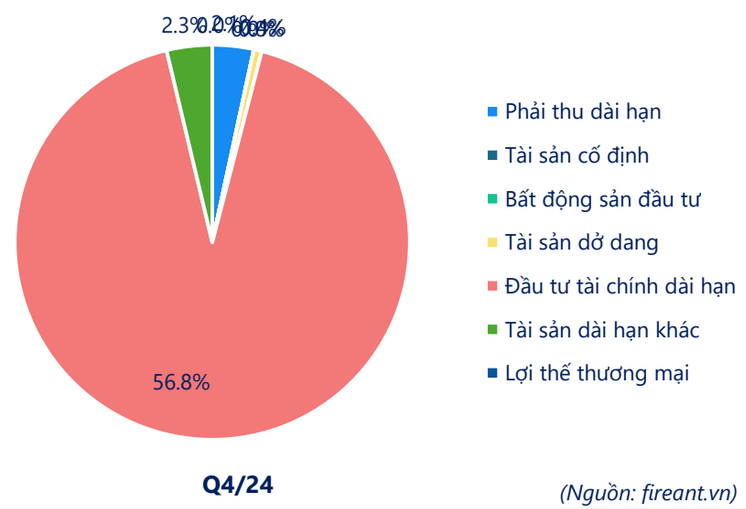
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

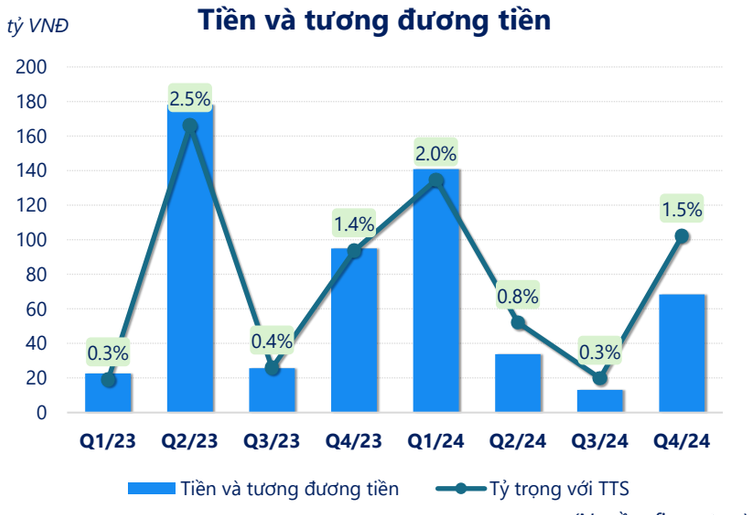


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

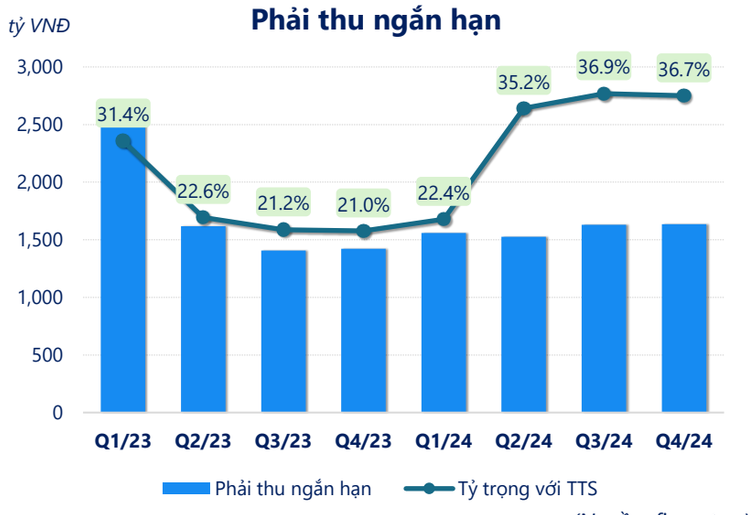
CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



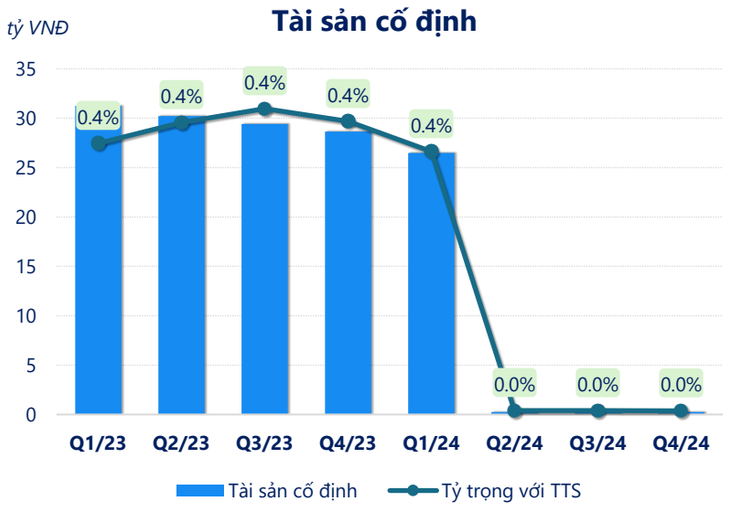
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



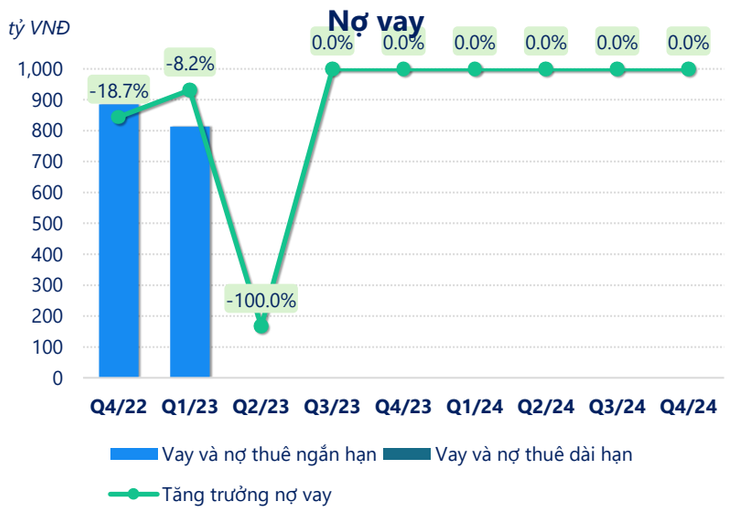
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



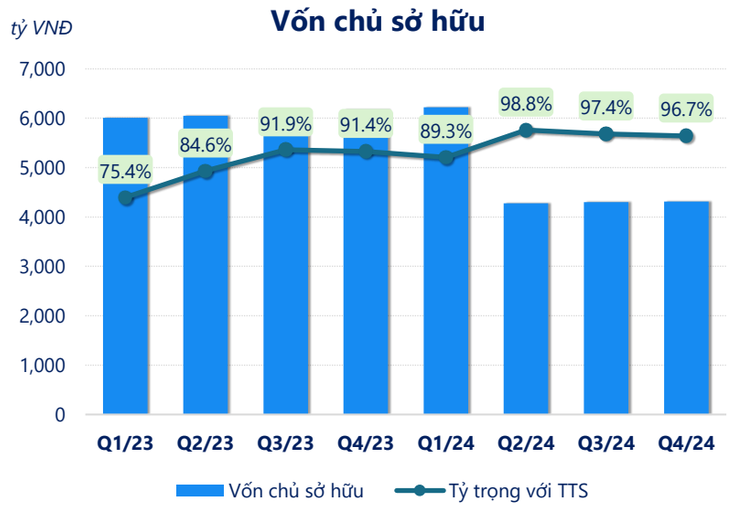
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

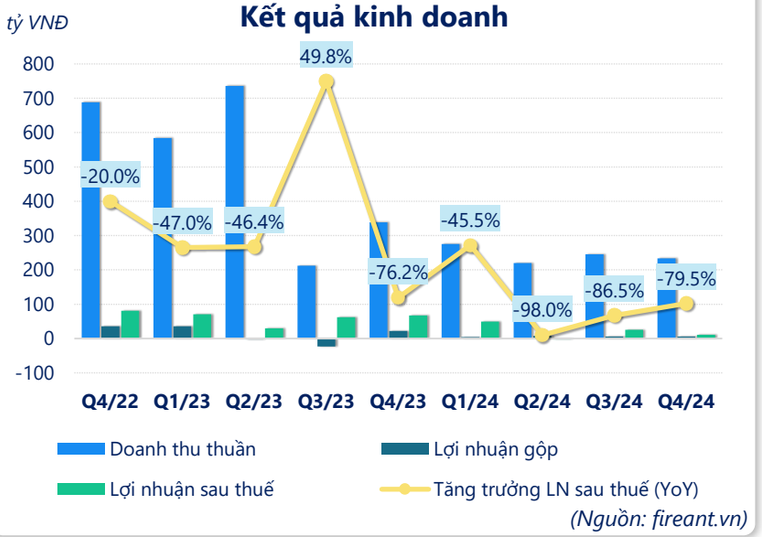


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

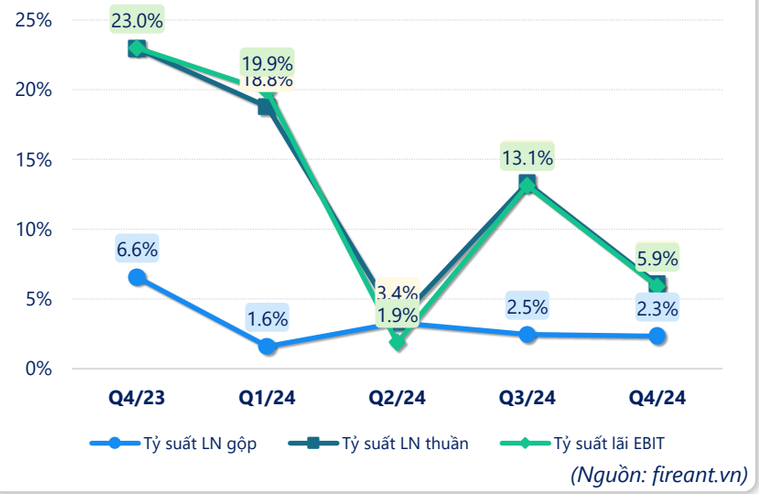
CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

Kết quả kinh doanh



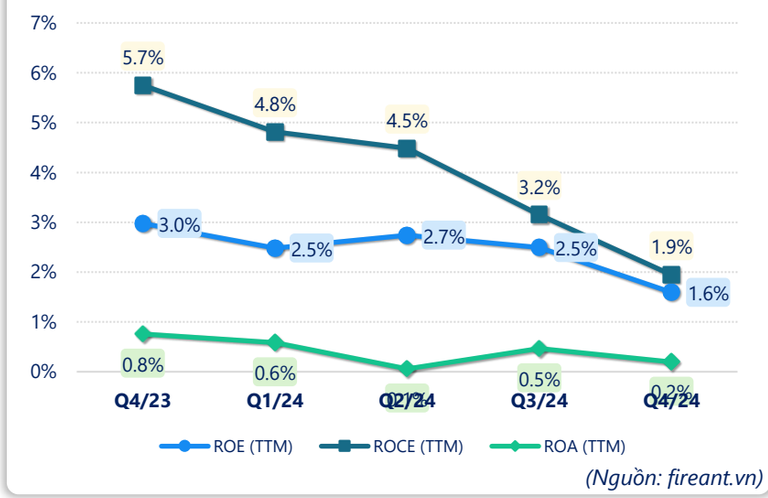
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



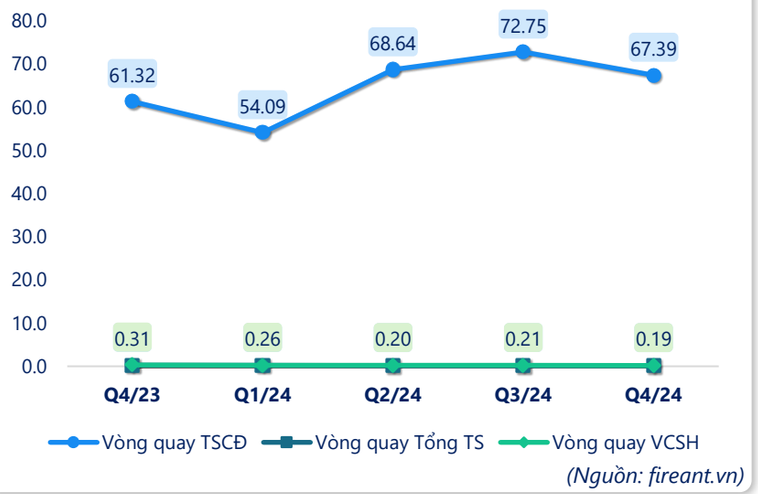
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



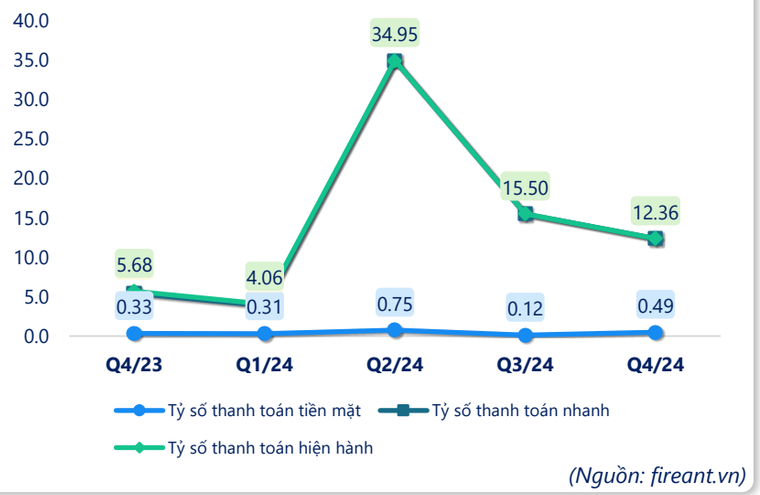
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



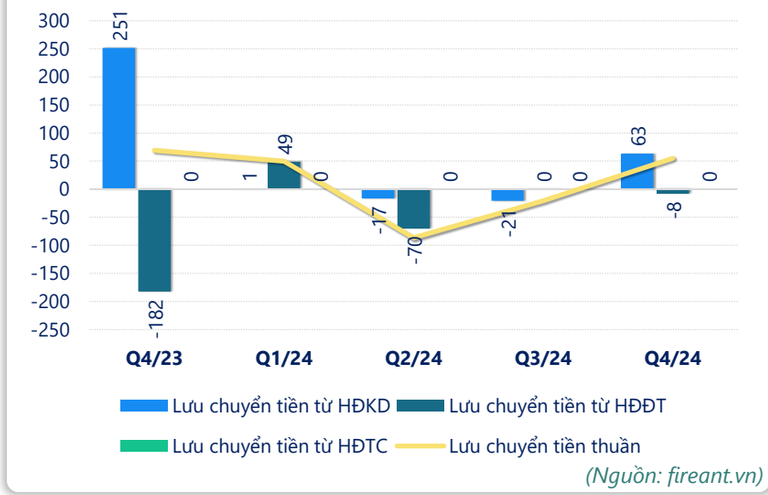
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,460**	**6,756**	**-34.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,714	1,660	3.2%
Tiền và tương đương tiền	68.3	91.1	-25.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	45.1	-100%
Phải thu ngắn hạn	1,635	1,421	15.1%
Hàng tồn kho	0	77.6	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	25.7	-58.4%
Tài sản dài hạn	**2,746**	**5,095**	**-46.1%**
Phải thu dài hạn	92.7	712	-87.0%
Tài sản cố định	0.24	28.7	-99.2%
Bất động sản đầu tư	0	105	-100%
Tài sản dở dang	17.9	240	-92.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,533	1,280	97.9%
Tài sản dài hạn khác	**102**	**1,353**	**-92.4%**
Lợi thế thương mại	0	1,377	-100%
Nợ phải trả	147	584	-74.9%
Nợ ngắn hạn	**139**	**294**	**-52.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	101	66.8	51.0%
Nợ dài hạn	7.97	291	-97.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,313**	**6,172**	**-30.1%**
Vốn chủ sở hữu	**4,313**	**6,172**	**-30.1%**
Vốn điều lệ	3,850	3,850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	338	276	220	245	233
Giá vốn hàng bán	316	271	212	239	228
Lợi nhuận gộp	22.2	4.42	7.26	6.04	5.45
Doanh thu HĐTC	47.8	26.4	13.3	25.6	26.0
Chi phí TC	3.24	0.10	-21.6	-7.87	8.96
Chi phí lãi vay	0.03	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	17.4	30.9	-30.9	0	0
Chi phí bán hàng	0.24	0.15	0.45	0.51	0.74
Chi phí QLDN	6.28	9.79	3.27	6.44	7.54
LN thuần từ HĐKD	77.7	51.8	7.52	32.6	14.2
Lợi nhuận khác	0.09	3.06	-3.39	-0.38	-0.38
LN trước thuế	77.8	54.8	4.13	32.2	13.8
Lợi nhuận sau thuế	67.5	49.3	-2.37	25.7	10.9
LNST của CĐ cty mẹ	57.1	43.6	3.37	25.7	10.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	251	0.79	-16.5	-20.7	63.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-182	48.9	-69.9	0.01	-8.27
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	25.7	91.1	141	33.9	13.2
Lưu chuyển tiền thuần	**69.2**	**49.7**	**-86.4**	**-20.7**	**55.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	95.0	141	33.9	13.2	68.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic